

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/KDTM-ST

Ngày: 27/6/2023

V/v “T/c Hợp đồng tín dụng;
hợp đồng bảo lãnh và hợp đồng thi
công”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN-TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Đức Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Việt

2. Ông Võ Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2023/TLST-KDTM ngày 24 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng; hợp đồng bảo lãnh và hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 06 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Phát triển V;

Đại diện theo pháp luật: Đào Quang T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số A, quận D, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Số B, phường L, thành phố X, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Minh T1 - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Đồng Tháp – An Giang. Theo Giấy ủy quyền số 1635/GUQ.NHPT-PC ngày 25/11/2022.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Tiến V.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần N;

Đại diện theo pháp luật: Hoàng Thanh T2, sinh năm 1975 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Tổng giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: số C, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Ông Hoàng Thanh T2 ủy quyền cho ông Nguyễn Đình T3 - Giám đốc tài chính. (văn bản ủy quyền ngày 07/4/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

Công ty cổ phần Công nghiệp tàu thủy H.

Địa chỉ trụ sở chính: Số D, đường S, phường K, thành phố N, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thế H1 - Chức vụ: Giám đốc Công ty.

(các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Phát triển V, do ông Nguyễn Minh T1 đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Ngân hàng Phát triển V và Công ty TNHH A đã ký kết các Hợp đồng sau:

1. Hợp đồng đầu tư số 07/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 20/8/2009:

1.1. Cấp tín dụng:

-Thực hiện cấp tín dụng vay và cho vay vốn Ngân hàng Phát triển V cấp tín dụng cho Công ty TNHH A vay số tiền 14.400.000.000đ.

-Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư dự án theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh số 02/QĐ-ĐT ngày 19/8/2009, của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH A, cụ thể là đầu tư đóng mới 02 tàu vận tải sông trọng tải 2.400 tấn. Địa điểm đầu tư: Số E, ấp V, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang.

-Thời hạn cho vay: 66 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Thời hạn ân hạn: 06 tháng.

-Lãi suất, phí:

+ Lãi suất nợ trong hạn (tính trên số dư nợ trong hạn): 6,9%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 10,35%/năm.

+ Phí: Các khoản phí khác (nếu có) thực hiện theo quy định của Ngân hàng Phát triển V trong từng thường kỳ.

1.2. Công ty A nhận nợ vay, trả nợ và dư nợ:

-Nhận nợ vay: 12.873.628.280 (Mười hai tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn hai trăm tám mươi đồng). Khế ước nhận nợ ngày 29/10/2009.

-Trả nợ vay: 0 đồng (khế ước nhận nợ ngày 29/10/2009).

-Dư nợ: 41.578.475.841 đồng (Trong đó, nợ gốc 12.873.628.280 đồng, nợ lãi tính đến ngày 20/01/2023 là 28.704.847.561 đồng (lãi quá hạn là 16.971.304.611 đồng, lãi phạt trên lãi chậm trả là 11.733.543.550 đồng).

2. Hợp đồng số 01/2009/HĐ ngày 01/12/2009 “*Hợp đồng tín dụng dài hạn*”. Ngân hàng Phát triển bảo lãnh để Công ty A vay vốn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển:

2.1. Cấp tín dụng:

-Thực hiện cấp tín dụng vay và cho vay vốn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển cấp tín dụng cho Công ty A vay số tiền 5.325.000.000đ (năm tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu đồng).

-Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư đóng tàu vận tải sông SI trọng tải 2.400 tấn theo Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT-2009 ngày 12/10/2009 và Phụ lục hợp đồng số 03.01/HĐKT-2009 ngày 12/10/2009 được ký giữa Công ty A và Công ty CP công nghiệp tàu thủy O.

- Thời hạn cho vay, thời hạn ân hạn: Thời hạn cho vay: 66 tháng kể từ ngày 01/12/2009 đến ngày 01/5/2015. Thời gian ân hạn: 06 tháng.

- Lãi suất, phí: Lãi suất 12%/năm. Lãi suất được thay đổi định kỳ 06 tháng/lần vào ngày 09 của tháng điều chỉnh theo quy định lãi suất cho vay hiện hành tại thời điểm điều chỉnh, Ngân hàng sẽ thông báo khi có thay đổi lãi suất. Lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất cho vay.

2.2. Công ty A nhận nợ vay, trả nợ và dư nợ:

- Nhận nợ vay: 2.991.710.000đ (hai tỷ chín trăm chín mươi một triệu bảy trăm mười nghìn đồng). Phiếu tính trả nợ gốc và lãi tiền vay ngày 05/06/2013.

- Trả nợ vay: 1.312.500.000đ (một tỷ ba trăm mười hai triệu năm trăm nghìn đồng). Phiếu tính trả nợ gốc và lãi tiền vay ngày 05/06/2013.

- Dư nợ: 5.426.121.403đ. Trong đó, nợ gốc 1.953.577.154 đồng, nợ lãi tính đến ngày 05/5/2023 là 3.472.544.249 đồng. Lãi quá hạn 3.472.544.249 đồng.

Đến ngày 16/9/2014, Công ty A chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ của Công ty cho Công ty N bằng Hợp đồng số TN-LA/HĐKT/2014 “*Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án: Đầu tư đóng mới 02 tàu vận tải sông trọng tải 2.400 tấn*” với nội dung: Công ty A chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ của Công ty cho Công ty N. Công ty N có trách nhiệm trả nợ theo các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đối với dự án đóng mới 02 tàu vận tải sông trọng tải 2.400 tấn hợp đồng bảo lãnh vay vốn mà Công ty A ký kết với Ngân hàng Phát triển. (biên bản ngày 30/10/2014 “*Biên bản xác nhận và chuyển giao giá trị, khối lượng vật tư thực tế thi công đóng mới 01 tàu vận tải sông trọng tải 2.400 tấn và 01 tàu vận tải biển 2.000 tấn*”)

Các Hợp đồng thế chấp bao gồm:

1. Hợp đồng số 07/2009/HĐTCTS-NHPT ngày 20/8/2009 “*Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (tài sản hình thành từ vốn vay)*”. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/9/2009. Tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại TP.Hồ Chí Minh.

2. Phụ lục Hợp đồng số 07.1/2009/PLHĐTCTS-NHPT ngày 07/12/2009 “*Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (Tài sản hình thành từ vốn vay)*”. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/5/2014, do Trung Tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP.Hồ Chí Minh, chứng nhận “*Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, Hợp đồng, Thông báo về việc kê biên tài sản thi hành án*” và Đăng ký giao dịch bảo đảm số 003046 ngày 20/5/2014, do Trung Tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP.Hồ Chí Minh, chứng nhận.

3. Hợp đồng số 01/2016/HĐTCTS-NHPT ngày 26/12/2016 “*Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai*” giữa Ngân hàng Phát triển với Công ty N do Văn phòng Công chứng X chứng nhận số 2336, quyền số 14/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/12/2016.

Ngân hàng Phát triển đã nhiều lần nhắc nợ, tuy nhiên Công ty N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Nay Ngân hàng Phát triển V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết một số vấn đề như sau:

1. Buộc Công ty Cổ phần N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Phát triển V số tiền tạm tính đến ngày 27/6/2023 là: 48.657.725.085 đồng, bao gồm các khoản:

1.1. Nợ phải trả theo Hợp đồng tín dụng số 07/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 20/8/2009 tại Ngân hàng Phát triển là 43.179.833.887 đồng. Trong đó, nợ gốc 12.873.628.280 đồng, nợ lãi tính đến ngày 27/6/2023 là 30.306.205.607 đồng (lãi quá hạn 17.633.824.575 + lãi phạt trên lãi chậm trả là 12.672.381.032 đồng).

1.2. Nợ phải trả do Ngân hàng Phát triển đã trả nợ thay cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Chứng thư số 52/NHPT.AGI-CTBL ngày 15/12/2009 “*Chứng thư bảo lãnh áp dụng cho dự án đầu tư*” số tiền 5.477.891.198 đồng. Trong đó, nợ gốc 1.953.577.154 đồng, nợ lãi tính đến ngày 06/5/2023 là 3.524.314.044 đồng.

2. Buộc Công ty Cổ phần N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Phát triển V lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 07/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 20/8/2009 và Chứng thư số 52/NHPT.AGI-CTBL ngày 15/12/2009 đến khi Công ty Cổ phần N trả hết nợ.

3. Để đảm bảo cho việc thi hành án, Ngân hàng yêu cầu duy trì các hợp đồng thế chấp sau:

3.1. Hợp đồng số 07/2009/HĐTCTS-NHPT ngày 20/8/2009 “*Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (tài sản hình thành từ vốn vay)*”. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/9/2009. Tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại TP.Hồ Chí Minh.

3.2. Phụ lục Hợp đồng số 07.1/2009/PLHĐTCTS-NHPT ngày 07/12/2009 “*Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (tài sản hình thành từ vốn vay)*”. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/5/2014, do Trung Tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP.Hồ Chí Minh, chứng nhận “*Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, Hợp đồng, Thông báo về việc kê biên tài sản thi*

hành án” và Đăng ký giao dịch bảo đảm số 003046 ngày 20/5/2014, do Trung Tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP.Hồ Chí Minh, chứng nhận.

3.3. Hợp đồng số 01/2016/HĐTCTS-NHPT ngày 26/12/2016 *“Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai”* giữa Ngân hàng Phát triển với Công ty N do Văn phòng Công chứng X chứng nhận số 2336, quyền số 14/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/12/2016.

- Bị đơn do ông Nguyễn Đình T3 là đại diện theo ủy quyền của công ty cổ phần N có văn bản trình bày ý kiến.

Công ty cổ phần N thừa nhận có ký hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 01/2014/HĐ-NHPT.ĐT – AG ngày 17/9/2014 với ngân hàng Phát triển V để nhận nợ đối với số tiền là 12.873.628.280 đồng của công ty TNHH A và có ký hợp đồng kế thừa quyền và nghĩa vụ số 02/2014/HĐ-NHPT.ĐT – AG ngày 17/9/2014 với ngân hàng Phát triển V để nhận nợ đối với số tiền là 1.953.577.154 đồng của công ty TNHH A. Ông T3 xác định Công ty cổ phần N tính đến ngày 27/6/2023 còn nợ Ngân hàng Phát triển V số tiền của hai hợp đồng là 48.411.140.728 đồng.

Do hiện nay Công ty N đang làm ăn khó khăn nên xin trả phần vốn gốc và lãi quá hạn là 17.541.574.876 đồng, xin không trả phần tiền lãi là 12.539.535.723 đồng.

Đối với số nợ công ty H yêu cầu công ty N trả, Công ty N thừa nhận còn nợ 2.404.595.238 đồng và đồng ý trả cho công ty H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do ông Trần Thế H1 là đại diện của Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy H trình bày:

Ngày 25/12/2009 Công ty H ký hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT-2009 và phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ – 2009 ngày 07/02/2010 giữa 03 bên công ty L (nay là Công ty N) nhận chuyển nhượng và công ty O.

Ngày 28/3/2016 Công ty H (bên B) ký kết hợp đồng kinh tế số 03/2016-HĐKT với Công ty cổ phần N (bên A) (trên cơ sở căn cứ nhu cầu gia công hoàn thiện 01 tàu vận tải SB của Công ty cổ phần N và biên bản xác nhận chuyển giao ngày 30/10/2014) về việc gia công, hoàn thiện tàu SB 2000 tấn tại điều 07 khi bắt đầu triển khai công việc Bên A phải có trách nhiệm trả cho bên B số tiền là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) trong khoản 2.904.595.238 đồng (hai tỷ chín trăm không bốn triệu năm trăm chín mươi năm nghìn hai trăm ba mươi tám đồng) và trước khi hạ thủy tàu Bên A phải thanh toán số tiền còn nợ lại là 2.404.595.238 đồng (hai tỷ bốn trăm không bốn triệu năm trăm chín mươi năm nghìn hai trăm ba mươi tám đồng)

Ngày 28/4/2016 biên bản làm việc giữa Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Đồng Tháp – An Giang, Công ty cổ phần N và Công ty H trong đó ý kiến của Công ty H trước mặt Công ty cổ phần N chuyển 01 tỷ đồng, 500 triệu đồng trả phần nợ cũ, 500 triệu đồng để thực hiện tạm ứng mua vật tư để phục vụ thi công tiếp tục. Tuy nhiên đến thời điểm tháng 05/2016 Công ty cổ phần N mới chuyển trả Công ty H 500.000.000 đồng.

Ngày 21/9/2016, Biên bản kiểm tra tài sản bảo đảm tiền vay giữa Ngân hàng Phát triển V – Chi nhánh NHPT khu vực Đồng Tháp – An Giang và Công ty cổ phần N đối với tàu vận tải biển 2000 tấn Công ty cổ phần N đã chuyển trả cho Công ty H 500.000.000 đồng, số tiền chủ đầu tư còn thiếu Công ty H là 2.404.595.238 đồng.

Ngày 24/3/2017 Công ty H gửi công văn đến Ngân Hàng Phát triển V và Ngân hàng PTVN - Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang về việc đề nghị giải quyết tồn tại của tàu đóng mới dở dang 2000 tấn.

Ngày 31/12/2018 Công ty O, Công ty N và Công ty H đã có biên bản làm việc về việc đối trừ công nợ đến ngày 31/12/2018, Công ty N chuyển cho Công ty O 2.350.000.000. Số tiền này đã được Công ty O chuyển trả tiền thi công cho Công ty H số tiền 2.350.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng). Công ty O, Công ty H và Công ty N cùng nhau hạch toán bù trừ công nợ cho nhau với số tiền là: 2.350.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm năm mươi triệu đồng).

Sau khi bù trừ công nợ, Công ty cổ phần N đã thanh toán cho Công ty H số tiền: 2.850.000.000 đồng (hai tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng)

Căn cứ số liệu thanh toán Công ty N còn nợ Công ty H số tiền: 2.404.595.238 đồng (hai tỷ bốn trăm không bốn triệu năm trăm chín mươi năm nghìn hai trăm ba mươi tám đồng)

Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy H yêu cầu Công ty cổ phần N phải trả số tiền còn thiếu là 2.404.595.238 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Minh T1 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Công ty cổ phần N phải trả số tiền tổng số tiền là 48.657.725.085 đồng, Trong đó:

+ Nợ phải trả theo Hợp đồng tín dụng số 07/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 20/8/2009 tạm tính đến ngày 27/6/2023: nợ gốc 12.873.628.280 đồng, nợ lãi tính đến ngày 27/6/2023 là 30.306.205.607 đồng (lãi quá hạn 17.633.824.575 + lãi phạt trên lãi chậm trả là 12.672.381.032 đồng).

+ Nợ phải trả do Ngân hàng Phát triển đã trả nợ thay cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Chứng thư số 52/NHPT.AGI-CTBL ngày 15/12/2009 tạm tính đến ngày 27/6/2023 là: 5.477.891.198đồng (vốn: 1.953.577.154đồng; lãi quá hạn 3.524.314.044đồng).

Tổng cộng: 43.179.833.887 đồng + 5.477.891.198đồng = 48.657.725.085 đồng.

+ Không đồng ý bỏ phần lãi phạt trên lãi chậm trả với số tiền là 12.672.381.032 đồng.

- Ông Nguyễn Đình T3 là đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần N đồng ý trả số tiền vốn 12.873.628.280 đồng và lãi quá hạn là 17.633.824.575 đồng, không đồng ý trả số tiền lãi phạt trên lãi chậm trả: 12.672.381.032 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số 07/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 20/8/2009.

Đối với số nợ Ngân hàng phát triển trả thay theo Chứng thư số 52/NHPT.AGI-CTBL ngày 15/12/2009 tạm tính đến ngày 27/6/2023 là: 5.477.891.198 đồng, Công ty cổ phần N đồng ý trả.

Đối với số nợ công ty H, công ty N thừa nhận còn nợ 2.404.595.238 đồng và đồng ý trả cho công ty H.

- Ông Trần Thế H1 là đại diện cho Công ty cổ phần Công nghiệp tàu thủy H vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập buộc công ty N trả số tiền còn nợ là 2.404.595.238 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Tranh chấp giữa Ngân hàng Phát triển V với Công ty cổ phần N là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tranh chấp giữa tổ chức với tổ chức có đăng ký kinh doanh và nhằm mục đích lợi nhuận là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty cổ phần Công nghiệp tàu thủy H có đơn yêu cầu tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, việc giải quyết vụ án có liên quan đến Công ty cổ phần Công nghiệp tàu thủy H. Do đó, Tòa án thành phố Long Xuyên đưa Công ty cổ phần Công nghiệp tàu thủy H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty cổ phần Công nghiệp tàu thủy H thực hiện quyền nghĩa vụ của mình theo Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ngân hàng Phát triển V có cho Công ty TNHH A vay số tiền 14.400.000.000đ, theo Hợp đồng tín dụng số 07/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 20/8/2009; mục đích vay: đầu tư dự án theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh số 02/QĐ-ĐT ngày 19/8/2009, của Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty A, cụ thể là đầu tư đóng mới 02 tàu vận tải sông trọng tải 2.400 tấn; thời hạn cho vay: 66 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; lãi suất nợ trong hạn (tính trên số dư nợ trong hạn) là 6,9%/năm, lãi suất nợ quá hạn: 10,35%/năm. Ngoài ra, Ngân hàng Phát triển V còn bảo lãnh để Công ty A vay vốn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển V vay số tiền 5.325.000.000đ, mục đích vay: đầu tư đóng tàu vận tải sông SI trọng tải 2.400 tấn theo Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT-2009 ngày 12/10/2009 và Phụ lục hợp đồng số 03.01/HĐKT-2009 ngày 12/10/2009 được ký giữa Công ty A và Công ty CP công nghiệp tàu thủy O; thời hạn cho vay là 66 tháng kể từ ngày 01/12/2009 đến ngày 01/5/2015; lãi suất là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay.

Ngày 16/9/2014, Công ty TNHH A chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ của Công ty cho Công ty N bằng Hợp đồng số TN-LA/HĐKT/2014 “*Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án: Đầu tư đóng mới 02 tàu vận tải sông trọng tải 2.400 tấn*” với nội dung: Công ty A chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ của Công ty cho Công ty N. Công ty N có trách nhiệm trả nợ theo các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đối với dự án đóng mới 02 tàu vận tải sông trọng tải 2.400 tấn hợp đồng bảo lãnh vay vốn mà Công ty A ký kết với Ngân hàng Phát triển V.

Sau khi nhận chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ của Công ty TNHH A, Công ty cổ phần N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng nên ngân hàng khởi kiện buộc công ty cổ phần N phải trả số tiền tạm tính đến ngày 27/6/2023 là 48.657.725.085 đồng.

[3.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy H và Công ty cổ phần N có ký hợp đồng kinh tế số 03/2016-HĐKT ngày 28/3/2016 Công ty H ký kết hợp đồng với Công ty cổ phần N (trên cơ sở căn cứ nhu cầu gia công hoàn thiện 01 tàu vận tải SB của Công ty cổ phần N và biên bản xác nhận chuyển giao ngày 30/10/2014) về việc gia công, hoàn thiện tàu SB 2000 tấn với giá trị hợp đồng là 5.254.595.238 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, Công ty cổ phần N còn nợ Công ty H số tiền: 2.404.595.238 đồng. Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy H yêu cầu Công ty cổ phần N phải trả số tiền còn thiếu là 2.404.595.238 đồng, Công ty cổ phần N đồng ý với yêu cầu của Công ty H trả số tiền còn thiếu là 2.404.595.238 đồng.

[3.3] Qua xem xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngân hàng Phát triển V có cho Công ty TNHH A vay số tiền 14.400.000.000đ, theo Hợp đồng tín dụng số 07/2009/HĐTDĐT-NHPT ngày 20/8/2009; để đầu tư đóng mới 02 tàu vận tải sông trọng tải 2.400 tấn, đồng thời Ngân hàng Phát triển V còn bảo lãnh để Công ty A vay vốn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển V vay số tiền 5.325.000.000đ, mục đích vay: đầu tư đóng tàu vận tải sông SI trọng tải 2.400 tấn theo Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT-2009 ngày 12/10/2009 và Phụ lục hợp đồng số 03.01/HĐKT-2009 ngày 12/10/2009 được ký giữa Công ty A và Công ty CP công nghiệp tàu thủy O. Đến ngày 16/9/2014, Công ty TNHH A chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ của Công ty cho Công ty N bằng Hợp đồng số TN-LA/HĐKT/2014 “*Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ dự án: Đầu tư đóng mới 02 tàu vận tải sông trọng tải 2.400 tấn*”. Tuy nhiên, sau khi nhận chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ từ Công ty TNHH A cho đến nay thì Công ty cổ phần N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng là vi phạm thỏa thuận đã giao kết theo Điều 6 trong hợp đồng nên phải chịu hậu quả theo giao kết trong hợp đồng giữa hai bên. Ngoài ra, Ngân hàng Phát triển V đã trả nợ thay cho Công ty cổ phần N theo Hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 52/2009/NHPT.AGI –BLDA ngày 07/12/2009 nhưng Công ty cổ phần N vẫn không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm theo khoản 3 Điều 5 của hợp đồng. Vì vậy Ngân hàng yêu cầu Công ty Công ty cổ phần N phải trả lại số tiền vốn theo Hợp đồng tín dụng số 07/2009/HĐTDĐT-

NHPT ngày 20/8/2009 với số tiền 12.873.628.280 đồng và số tiền 1.953.577.154 đồng Hợp đồng bảo lãnh vay vốn ngày 07/12/2009 là có căn cứ chấp nhận.

[3.4] Đối với yêu cầu tính lãi của Ngân hàng: Việc bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo lãnh vay vốn đã ký là gây ảnh hưởng đến Ngân hàng nên Ngân hàng căn cứ vào Điều 6 của hợp đồng tín dụng và Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh để yêu cầu tính lãi là có cơ sở phù hợp khoản 2 Điều 91, Điều 94, Điều 95 và điểm b khoản 2 Điều 118 Luật tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Tuy nhiên, đối với Hợp đồng tín dụng đầu tư số 07/2009/HĐTĐĐT – NHPT, Ngân hàng căn cứ vào khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng để tính lãi phạt trên lãi chậm trả với số 12.672.381.032 đồng là chưa phù hợp. Bởi lẽ, tại Quyết định số 1335/NHNN – CSTT ngày 22/02/2010, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về việc phạt chậm trả đối với trường hợp nợ quá hạn như sau “Các tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001; theo đó, mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ quá hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay”. Do đó, thỏa thuận tại khoản 2 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng đầu tư số 07/2009/HĐTĐĐT – NHPT ngày 20/8/2009 và Điều 1 của Hợp đồng tín dụng đầu tư sửa đổi, bổ sung số 07.01/2010/HĐSĐBSTĐĐT – NHPT ngày 26/11/2010 không có thỏa thuận phạt lãi nhiều lần về cùng một vi phạm trong hợp đồng tín dụng. Vì vậy đối với yêu cầu của Ngân hàng buộc Công ty cổ phần N phải chịu lãi phạt chậm trả lãi với số tiền 12.672.381.032 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[3.4] Như vậy, tổng cộng số tiền vốn và lãi mà Công ty cổ phần N phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Phát triển V tạm tính đến hết ngày 27/6/2023 là 35.985.344.053 đồng.

[4] Đối với yêu cầu độc lập của Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy H, Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty cổ phần công nghiệp tàu thủy H và Công ty cổ phần N có ký hợp đồng kinh tế số 03/2016-HĐKT ngày 28/3/2016 Công ty H ký kết hợp đồng với Công ty cổ phần N (trên cơ sở căn cứ nhu cầu gia công hoàn thiện 01 tàu vận tải SB của Công ty cổ phần N và biên bản xác nhận chuyển giao ngày 30/10/2014) về việc gia công, hoàn thiện tàu SB 2000 tấn với giá trị hợp đồng là 5.254.595.238 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, Công ty cổ phần N còn nợ Công ty H số tiền: 2.404.595.238 đồng. Do đó cty H yêu cầu Cty N phải trả số tiền còn thiếu là 2.404.595.238 đồng. Cty Cổ phần N thừa nhận có ký hợp đồng thi công với Công ty H và hiện nay còn thiếu số tiền 2.404.595.238 đồng, và đồng ý trả. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với các hợp đồng thế chấp số 07/2009/HĐTCTS-NHPT ngày 20/8/2009 “Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (tài sản hình thành từ vốn vay)”. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/9/2009. Tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại TP.Hồ Chí Minh; Phụ lục Hợp đồng số 07.1/2009/PLHĐTCTS-NHPT ngày 07/12/2009 “Phụ lục hợp đồng thế chấp tài

sản hình thành trong tương lai (Tài sản hình thành từ vốn vay)”. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/5/2014, do Trung Tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP.Hồ Chí Minh, chứng nhận “Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, Hợp đồng, Thông báo về việc kê biên tài sản thi hành án” và Đăng ký giao dịch bảo đảm số 003046 ngày 20/5/2014, do Trung Tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP.Hồ Chí Minh, chứng nhận và Hợp đồng số 01/2016/HĐTCTS-NHPT ngày 26/12/2016 “Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai” giữa Ngân hàng Phát triển với Công ty N do Văn phòng Công chứng X chứng nhận số 2336, quyền số 14/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/12/2016. Các Hợp đồng này được các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 68; Điều 147, Điều 186, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 471, Điều 474; 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010.

- Điều 306 Luật Thương mại.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Phát triển V đối với bị đơn là Công ty Cổ phần N

Buộc bị đơn là Công ty Cổ phần N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Phát triển V số tiền 35.985.344.053 đồng (ba mươi lăm tỷ chín trăm tám mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm năm mươi ba đồng), do Chi nhánh Ngân hàng Phát triển V khu vực Đồng Tháp – An Giang đại diện nhận. Trong đó:

- Đối với Hợp đồng tín dụng: vốn gốc là 12.873.628.280đ (mười hai tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn hai trăm tám mươi

đồng); lãi quá hạn tạm tính đến ngày 27/6/2023 là 17.633.824.575đồng (mười bảy tỷ sáu trăm ba mươi ba triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng)

- Đối với Hợp đồng bảo lãnh: vốn gốc là 1.953.577.154đ (một tỷ chín trăm năm mươi ba triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm năm mươi bốn đồng); lãi quá hạn tạm tính đến ngày 27/6/2023 là 3.524.314.044đ (ba tỷ năm trăm hai mươi bốn triệu ba trăm mười bốn nghìn không trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (27/6/2023), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Phát triển V buộc Công ty cổ phần N phải chịu lãi suất chậm trả lãi với số tiền 12.672.381.032 đồng (mười hai tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu ba trăm tám mươi một nghìn không trăm ba mươi hai đồng).

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty cổ phần Công nghiệp tàu thủy H, buộc Công ty cổ phần N phải trả số tiền 2.404.595.238 đồng (hai tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (27/6/2023), Công ty Cổ phần N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[2] Tiếp tục duy trì các Hợp đồng thế chấp:

+ Hợp đồng số 07/2009/HĐTCTS-NHPT ngày 20/8/2009 “*Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (tài sản hình thành từ vốn vay)*”. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/9/2009. Tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại TP.Hồ Chí Minh.

+ Phụ lục Hợp đồng số 07.1/2009/PLHĐTCTS-NHPT ngày 07/12/2009 “*Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai (Tài sản hình thành từ vốn vay)*”. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/5/2014, do Trung Tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP.Hồ Chí Minh, chứng nhận “*Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, Hợp đồng, Thông báo về việc kê biên tài sản thi hành án*” và Đăng ký giao dịch bảo đảm số 003046 ngày 20/5/2014, do Trung Tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP.Hồ Chí Minh, chứng nhận.

+ Hợp đồng số 01/2016/HĐTCTS-NHPT ngày 26/12/2016 “*Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai*” giữa Ngân hàng Phát triển với

Công ty N do Văn phòng Công chứng X chứng nhận số 2336, quyền số 14/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/12/2016.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần N phải chịu 224.077.249 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi chín đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng Phát triển V phải chịu 120.672.381 đồng (một trăm hai mươi triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm tám mươi một đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 77.450.000đ (bảy mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, Ngân hàng Phát triển V còn phải nộp thêm 43.222.381 đồng (bốn mươi ba triệu hai trăm hai mươi hai nghìn ba trăm tám mươi một đồng).

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần Công nghiệp tàu thủy H số tiền 40.050.000đ (bốn mươi triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001717 ngày 04/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[4] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Đức Anh

